TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày 19 tháng 12 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi và ông Võ Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Chí T, sinh ngày 08/02/2002, tại tỉnh An Giang; Căn cước công dân số: 089202002343; nơi cư trú: Ấp V, xã P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1971; anh em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2025 cho đến nay, tại Phân Trại tạm giam A; (có mặt).

2. Bùi Thanh D, sinh ngày 01/01/1980, tại tỉnh An Giang; Căn cước công dân số: 089080101754; nơi cư trú: Ấp T, xã P, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Bùi Văn N, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Châu Thị L1, sinh năm 1961 (đã chết); anh em ruột: bị cáo là con duy nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2025 cho đến nay, tại Phân Trại tạm giam A; (có mặt).

Người làm chứng: Bà Lê Thị D1, sinh năm 1976; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 03/8/2025, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khu vực tổ A, ấp H, xã P, tỉnh An Giang, hai nam thanh niên có biểu hiện nghi vấn phạm tội về ma túy nên lực lượng Công an xã P tiến hành kiểm tra, phát hiện Đỗ Chí T, sinh năm 2002 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER màu xanh đen, biển số 67K2 - 087.20 chở Bùi Thanh D, sinh năm 1980 ngồi phía sau. Trong lúc kiểm tra thì D cầm trên tay đoạn ống hút màu vàng, được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghi là ma túy) bỏ xuống đất nên lực lượng Công an xã P tiến hành thu giữ. Qua làm việc, T và D cùng thừa nhận đoạn ống hút màu vàng, được hàn kín hai đầu, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy đá do T và D hùn tiền mỗi người 100.000 đồng mua của người nam tên T2 (không rõ họ tên và địa chỉ) với giá 200.000 đồng tại khu vực cầu B (thuộc xã B, tỉnh An Giang) để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Căn cứ Kết luận Giám định số 198/KL-KTHS ngày 08/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh A, xác định: Mẫu M gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1287gam.

Căn cứ Kết luận Giám định số 275/KL-KTHS ngày 15/8/2025 của Phòng K Công an tỉnh A, xác định: Mẫu M1, M2 (nước tiểu của T và D) gửi đếm giám định có chứa thành phần ma túy, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 02/CT-VKSKV12 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Đỗ Chí T và Bùi Thanh D ra trước Toà án nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang để xét xử về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đỗ Chí T và bị cáo Bùi Thanh D thừa nhận vào ngày 03/8/2025 cả hai có hùn tiền đi mua ma tuý với mục đích đem về sử dụng, trong lúc đang cất giấu trong người thì bị công an kiểm tra, bắt quả tang. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến gì khác, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12, tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản

1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt các bị cáo T và bị cáo D mỗi bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định, có khối lượng 0,1177g để trong 01 phong bì được niêm phong; trả lại cho bị cáo T 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, biển số 67K2-087.20.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đối với người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, người làm chứng đã có lời khai tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử kết luận:

Khoảng 21 giờ 10 phút ngày 03/8/2025, tại khu vực tổ A, ấp H, xã P, tỉnh An Giang, các bị cáo Đỗ Chí T và Bùi Thanh D đã có hành vi cất giấu trong người số ma túy có khối lượng 0,1287 gam, loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Bị cáo T và bị cáo D là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà

nước về chất ma túy, nên đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử, nhận thấy:

[3.1] Methamphetamine (còn gọi là Ma túy đá) là một dạng ma túy tổng hợp, là chất gây nghiện cực kỳ nguy hiểm, bởi nó có tác hại rất lớn đến trí tuệ, sức khỏe, tính mạng của con người, nó làm cho người sử dụng không thể kiểm soát được hành vi của bản thân và còn có những hành vi khác gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó, việc mua bán, trao đổi, tàng trữ, sản xuất, vận chuyển trái phép chất ma túy đều bị Nhà nước nghiêm cấm. Các bị cáo nhận thức được điều này, bởi các bị cáo cũng là người đang nghiện ma túy, nhưng vì muốn thỏa mãn cơn nghiện cho bản thân, các bị cáo đã trực tiếp mua ma túy đem về tàng trữ với mục đích để sử dụng, bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật.

[3.2] Xét vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T và D cùng thực hiện với vai trò là người thực hành, nên có vai trò ngang nhau trong đồng phạm.

[3.3] Bị cáo T và bị cáo D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[3.5] Bị cáo T và bị cáo D phạm tội nghiêm trọng, thuộc loại tội phạm về ma túy, đây là loại tội phạm mà hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang có nhiều chủ trương, biện pháp đấu tranh, triệt phá nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc phát sinh các loại tội phạm này trong xã hội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất và hành vi của các bị cáo đã thực hiện để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự có quy định, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét các các bị cáo không nghề nghiệp ổn định, mục đích của các bị cáo tàng trữ số ma tuý này là để sử dụng nhằm thoả mãn cơn nghiện, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, biển số 67K2-087.20. Xét, đây là tài sản của bị cáo T, không liên quan đến tội phạm nên tuyên trả lại cho bị cáo T.

Đối với số ma tuý còn lại sau khi đã giám định, có khối lượng: 0,1177g được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng, bên ngoài có ghi (Vụ số: 1165), có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Sĩ L2. Xét, đây là vật chứng của vụ án, Nhà nước cấm tàng trữ, nên tuyên tịch thu để tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo T và bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với người thanh niên tên T2 (không rõ họ, địa chỉ) bán ma tuý cho T và D, hiện chưa làm việc được, giao Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Chí T và bị cáo Bùi Thanh D phạm tội "Tàng trữ trái phéo chất ma tuý".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Xử phạt bị cáo Đỗ Chí T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2025.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh D 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/8/2025.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong (Vụ số: 1165), có in hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và các chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Sĩ L2. Bên trong có mẫu vật còn lại sau khi đã giám định, khối lượng: 0,1177g (không phẩy một một bảy bảy gam).

Trả lại cho bị cáo Đỗ Chí T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu xanh-đen, số máy: G3D4E1157128, số khung: RLCUG1010PY386085, biển số 67K2-087.20, xe đã qua sử dụng.

Tất cả các vật chứng nêu trên hiện do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, tỉnh An Giang đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/11/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A và Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đỗ Chí T và Bùi Thanh D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 12 (1);
- Phân Trại tạm giam An Phú (3);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh AG (2);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh An Giang (1);
- Bộ phận THAHS TAND khu vực 12 (2);
- THADS tỉnh An Giang (2);
- Những người tham gia tố tụng (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn